

Bản án số: 45/2018/HS-ST

Ngày: 27 - 8 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH NAM ĐỊNH

- Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Hùng Phương.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đàm Văn Kiều.

2. Ông Đào Văn Rạng.

- Thư ký phiên toà: Ông Vũ Quang Hải – Thư ký Toà án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Diệu Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 43/2018/TLST- HS ngày 20 tháng 7 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2018/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 8 năm 2018 đối với bị cáo:

Phan Văn Th - Sinh ngày 10/6/1990 tại tỉnh Nam Định.

Nơi ĐKKHKT: Thôn 10, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. Chỗ ở: Đội 1, Hợp tác xã Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa giáo; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 9/12; giới tính: Nam; con ông Phan Văn T, sinh năm 1957, đã chết năm 2017 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1960, hiện làm ruộng tại đội 1, hợp tác xã Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; vợ, con: Chưa; tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 01/9/2016, bị Công an xã N xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản. Bị cáo Phan Văn Th bị bắt tạm giam từ ngày 03/6/2018, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện N cho đến nay; có mặt.

* *Người bị hại:* Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1998; nơi cư trú: Đội 1, Hợp tác xã Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Vũ Văn B, sinh năm 1984; nơi cư trú: Đội 9, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; có mặt.

* *Người làm chứng:*

1. Bà Vũ Thị V, sinh năm 1960; nơi cư trú: Đội 1, Hợp tác xã Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

2. Anh Đỗ Hữu S, sinh năm 1963; nơi cư trú: Đội 7, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 07 giờ ngày 31/5/2018, Phan Văn Th đi bộ từ nhà đến nhà bà Nguyễn Thị V hỏi mượn điện thoại di động của bà V để gọi điện cho bạn nhưng thấy tài khoản sim hết tiền nên Th trả lại điện thoại cho bà V. Khoảng 15 phút sau, khi thấy bà V đi xuống bếp và con dâu của bà V là chị Nguyễn Thị P đi giặt quần áo, Th nảy sinh ý định tìm tài sản để trộm cắp. Th đi vào buồng ngủ của chị P, thấy 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A83, vỏ màu vàng, ốp lưng điện thoại bằng nhựa màu đỏ, màn hình nền điện thoại để ảnh 02 con của chị P, điện thoại lắp 02 sim có số thuê bao là 01699.659.233 và 0932.230.824, có số IMEI là: 867609030532030 để trên mặt tủ gỗ kê ở đầu giường ngủ của chị P. Th lấy chiếc điện thoại di động bỏ vào túi quần đang mặc rồi trèo tường đi ra ngoài. Trên đường đi, Th đã tháo ốp lưng bằng nhựa màu đỏ vứt tại khu vực cầu 50 thuộc đội 6, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định, tháo 02 sim cất vào túi quần và thay đổi hình ảnh trên màn hình nền của máy điện thoại. Sau đó, Th mang chiếc điện thoại di động vừa trộm cắp được đến cửa hàng cầm đồ của ông Đỗ Hữu S ở đội 7, xã N, huyện N cầm cố được 2.300.000 đồng rồi đi về nhà. Khoảng 7 giờ ngày 01/6/2018, Th quay lại cửa hàng của ông S chuộc lại điện thoại trên với giá 2.350.000 đồng rồi mang chiếc điện thoại đến cửa hàng điện thoại “Duy B” bán cho anh Vũ Văn B là chủ cửa hàng ở đội 9, xã N, huyện N với giá 2.700.000 đồng và dùng số tiền này chi tiêu cá nhân hết. Quá trình điều tra, chị Nguyễn Thị P tự nguyện giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N 01 vỏ hộp điện thoại nhãn hiệu OPPO A83, có in số IMEI 867609030532030; Phan Văn Th giao nộp 02 sim điện thoại, có số thuê bao là 01699.659.233 và 0932.230.824; thu giữ tại Cửa hàng điện thoại “Duy B” của anh Vũ Văn B 01 chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO A83, vỏ màu vàng, đã qua sử dụng, mang số IMEI 867609030532030, không lắp sim.

Tại bản kết luận số 35/HĐ-ĐGTS ngày 03/6/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện N, kết luận: 01 chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO A83, vỏ màu vàng, đã qua sử dụng có giá trị là 2.800.000 đồng (Hai triệu tám trăm nghìn đồng).

Bản cáo trạng số 42/CT - VKSNH ngày 19/7/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo Phan Văn Th về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Tại phiên toà hôm nay Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo như tội danh và điều luật đã nêu. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt Phan Văn Th từ 09 (Chín) tháng đến 12 (Mười hai) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; đề nghị áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự để xử lý vật chứng; đề nghị áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 6; Điều 23; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội để buộc bị cáo phải nộp án phí theo quy định.

Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Vũ Văn B yêu cầu bị cáo Th phải trả lại cho anh số tiền mua điện thoại là 2.700.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay qua xét hỏi và tranh luận bị cáo Th đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã nêu. Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không có khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của người người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu đã được xác lập có trong hồ sơ vụ án cũng như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo ra trước phiên tòa hôm nay. Như vậy đã đủ cơ sở xác định: Khoảng 07 giờ 15 phút ngày 31/5/2018, tại nhà bà Nguyễn Thị V ở

đội 1, hợp tác xã Đ, xã N, huyện N, Phan Văn Th đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO A83, vỏ màu vàng, có số IMEI là: 867609030532030, đã qua sử dụng của chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1998 có giá trị là 2.800.000 đồng.

Khoản 1 Điều 173. Tội trộm cắp tài sản quy định: “*Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm*”.

Đối chiếu với quy định của Bộ luật hình sự thấy đủ cơ sở kết luận bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Hành vi bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội trong khu vực, làm ảnh hưởng đến nếp sống văn hoá của dân tộc, gây nên dư luận xấu trong nhân dân ở khu vực. Vì vậy việc đưa bị cáo ra xét xử công khai, lên án xử lý nghiêm minh là cần thiết nhằm góp phần vào việc đấu tranh phòng chống tội phạm.

[4] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thì thấy: Bị cáo là người có nhân thân xấu. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã Th khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo nhằm trừng trị, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo là người không có thu nhập ổn định, điều kiện kinh tế còn khó khăn. Vì vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

- Người bị hại là chị Nguyễn Thị P không yêu cầu bồi thường gì nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Anh Vũ Văn B yêu cầu bị cáo Th phải trả lại cho anh số tiền mua điện thoại là 2.700.000 đồng, vì vậy buộc bị cáo phải trả lại cho anh B 2.700.000 đồng là phù hợp.

[7] Về vật chứng của vụ án:

- Chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO A83, vỏ màu vàng, có số IMEI là: 867609030532030, đã qua sử dụng; 02 sim điện thoại có số thuê bao là 01699.659.233 và 0932.230.824 và 01 vỏ hộp đựng điện thoại di động, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã trả lại cho chị P là chủ sở hữu là phù hợp.

- Đối với 01 ốp lưng điện thoại bằng nhựa màu đỏ Phan Văn Th đã ném tại khu vực Cầu 50 thuộc đội 6, xã N, huyện N, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã tiến hành truy tìm nhưng không thấy.

[8] Đối với ông Đỗ Hữu S, anh Vũ Văn B là người cầm cố và mua điện thoại của Th đều không biết đó là tài sản do Th trộm cắp mà có nên Công an huyện N không xử lý theo quy định của pháp luật là phù hợp.

[9] Bị cáo Phan Văn Th phải chịu án phí theo quy định tại Điều 135; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 6; Điều 23; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[10] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện N là tương đối phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 47 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào Điều 357, Điều 584, Điều 586, Điều 589 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Điều 106; Điều 135; Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 6; Điều 23; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

[1]. Tuyên bố bị cáo Phan Văn Th phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

[2]. Xử phạt bị cáo Phan Văn Th 9 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03/6/2018.

[3]. Buộc bị cáo Phan Văn Th phải trả lại cho anh Vũ Văn B số tiền 2.700.000 đồng.

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án chưa thi hành xong cho người được thi hành án thì người phải thi hành án còn phải chịu thêm lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành.

[4]. Buộc bị cáo Phan Văn Th phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai có mặt bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; vắng mặt người bị hại. Báo cho người có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án và người được thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh;
- VKS nhân dân Tỉnh + huyện;
- Công an huyện;
- Cơ quan Thi hành án;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- UBND xã N;
- UBND xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Dương;
- Án văn + lưu hồ sơ;
- Thi hành án phạt tù.

(Đã ký)

Phạm Hùng Phương